



**Thời Khóa Biểu Lớp**  
Học Kỳ 1 - Năm Học 21-22

**Mã lớp thời khóa biểu: 21X3A1**

**Ngành: Giáo dục Tiểu học (Khóa 47)**

**Khoa: Sư phạm**

**Ngày Bắt Đầu Học Kỳ: 09/08/2021 (Khóa mới K47 bắt đầu học từ ngày 27/09/2021, tuần thứ 8 của học kỳ).**

| Thứ                           | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học      | Phòng học | Tuần học<br>12345678901234567890 |
|-------------------------------|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------------|---------------|-----------|----------------------------------|
| <b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b> |                |         |                                      |              |            |               |           |                                  |
| 2                             | QP010          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | 1234-----     | 102/KT    | 8                                |
| 2                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 9                                |
| 2                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 0                                |
| 2                             | QP010          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----6789---- | 102/KT    | 8                                |
| 2                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 9                                |
| 2                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 0                                |
| 2                             | SG221          | A01     | Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1       | 01996        | Hóa        | -----678----- | 114/B1    | 12345678                         |
| 3                             | QP010          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | 1234-----     | 102/KT    | 8                                |
| 3                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 9                                |
| 3                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 0                                |
| 3                             | KL001          | A01     | Pháp luật đại cương                  | 01790        | Thảo       | -----67-----  | 102/KH    | 12345678                         |
| 3                             | QP010          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----6789---- | 102/KT    | 8                                |
| 3                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 9                                |
| 3                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 0                                |
| 4                             | QP010          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | 1234-----     | 102/KT    | 8                                |
| 4                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 9                                |
| 4                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 0                                |
| 4                             | QP010          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |            | -----678----- | 102/KT    | 8                                |
| 4                             | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 9                                |
| 4                             | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 0                                |
| 4                             | SHCVHT         | A42     | Cổ vấn học tập sinh hoạt lớp         | 02770        | Lộc        | -----9-----   | 103/C2    | 8 1 5 9                          |
| 5                             | QP011          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | 1234-----     | 102/KT    | 8                                |

## Thời Khóa Biểu Lớp

Mã lớp thời khóa biểu: 21X3A1

Trang 2

| Thứ | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên G.viên | Tiết học      | Phòng học | Tuần học<br>12345678901234567890 |
|-----|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------------|---------------|-----------|----------------------------------|
| 5   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 9                                |
| 5   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 0                                |
| 5   | KL001          | A01     | Pháp luật đại cương                  | 01790        | Thảo       | -----67-----  | 102/KH    | 12345678                         |
| 5   | QP011          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789---- | 102/KT    | 8                                |
| 5   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 9                                |
| 5   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 0                                |
| 6   | QP011          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | 1234-----     | 102/KT    | 8                                |
| 6   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 9                                |
| 6   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 0                                |
| 6   | QP011          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789---- | 102/KT    | 8                                |
| 6   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 9                                |
| 6   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 0                                |
| 6   | SG221          | A01     | Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1       | 01996        | Hóa        | -----678----- | 103/KH    | 12345678                         |
| 7   | QP011          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | 1234-----     | 102/KT    | 8                                |
| 7   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 9                                |
| 7   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | 1234-----     | TTGDQP    | 0                                |
| 7   | QP011          | A02     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |            | -----6789---- | 102/KT    | 8                                |
| 7   | QP012          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 9                                |
| 7   | QP013          | A01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |            | -----6789---- | TTGDQP    | 0                                |

### \* Lưu ý:

- Sinh viên khóa mới (K47) bắt đầu học từ ngày 27/09/2021 (tuần thứ 8 của học kỳ).
- Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.  
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
- Tiết học 1, 2, 3, 4, 5 buổi sáng và tiết 6, 7, 8, 9 buổi chiều, chi tiết xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/bang-phan-bo-thoi-gian-tiet-hoc>
- Ký hiệu nhà học, phòng học xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/so-do-nha-hoc-ky-hieu-phong-hoc>